

HỎA TỐC

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2021
và phương hướng, nhiệm vụ ngân sách năm 2022**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2021 được triển khai thực hiện trong bối cảnh cả nước gặp những khó khăn, thách thức nhiều hơn thời cơ, thuận lợi; kinh tế tiếp tục bị ảnh hưởng do các đợt bùng phát dịch COVID-19, với những biến thể mới có tốc độ lây lan nhanh và nguy hiểm hơn. Đối với tỉnh Cà Mau, năm 2021 có ý nghĩa quan trọng, là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025, Kế hoạch Tài chính 05 năm 2021 - 2025; nhiều sự kiện chính trị quan trọng đã được tổ chức thành công như Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 và cũng là năm cuối của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017 - 2020, được kéo dài đến năm 2021. Việc kiểm soát khá tốt dịch COVID-19 cùng với những thành quả đạt được trong thực hiện “mục tiêu kép” - vừa phòng chống dịch, vừa duy trì sản xuất kinh doanh trong những tháng cuối năm 2020 đã tạo tiền đề thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong những tháng đầu năm 2021. Tuy nhiên, từ cuối tháng 4 năm 2021, đợt dịch COVID-19 tái bùng phát lần thứ 4 với biến thể Delta nguy hiểm, khó kiểm soát, lây lan nhanh trên diện rộng và đã xâm nhập vào tỉnh Cà Mau; buộc phải áp dụng nhiều biện pháp phòng, chống dịch chưa có tiền lệ, quyết liệt hơn để bảo vệ sức khỏe, tính mạng của nhân dân. Do đó, đã tác động đến mọi mặt hoạt động của nền kinh tế và đời sống nhân dân, lưu thông hàng hóa có lúc bị ách tắc, ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

Trước tình hình đó, để hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã bám sát sự chỉ đạo của Trung ương và quán triệt sâu sắc phương châm hành động của Chính phủ “*Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, khát vọng phát triển*”, cùng với sự lãnh đạo kỳ quyết và kịp thời của Tỉnh ủy, sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp và sự ủng hộ của nhân dân, góp phần quan trọng vào việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2021. Quán triệt tinh thần Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 05/01/2020 thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự toán ngân sách tỉnh Cà

Mau năm 2021. Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 10 tháng và ước thực hiện những tháng cuối năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2021 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ NGÂN SÁCH VÀ QUẢN LÝ GIÁ, TÀI SẢN CÔNG VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN LÝ NGÂN SÁCH

1. Thu ngân sách nhà nước

Năm 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị thông qua tổng thu 5.478,70 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa 5.462,70 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 16 tỷ đồng. Ước tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh cả năm 2021 là 5.220 tỷ đồng, đạt 95,28% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 82,76% so với thực hiện cùng kỳ năm 2020. Trong đó, thu nội địa 4.910 tỷ đồng, đạt 89,88% dự toán, bằng 78,01% so với thực hiện cùng kỳ năm 2020; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 310 tỷ đồng, bằng 1.937,50% dự toán, tăng 2.179,68% so với cùng kỳ năm 2020. Về nguồn thu và đơn vị thu cụ thể như sau:

- Về nguồn thu: Có 07/17 nguồn thu đạt và vượt dự toán năm, gồm: Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý 1.749 tỷ đồng, đạt 100,52% dự toán; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 105 tỷ đồng, đạt 420% dự toán; tiền cho thuê đất, mặt nước 27 tỷ đồng, đạt 108% dự toán; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 05 tỷ đồng, đạt 100% dự toán; thu cổ tức, lợi nhuận còn lại 10 tỷ đồng, đạt 100% dự toán; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 04 tỷ đồng, đạt 100% dự toán; thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác 01 tỷ đồng, đạt 100% dự toán. Bên cạnh đó, nguồn thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng đột biến so với dự toán năm do các dự án điện gió, điện mặt trời nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ công trình.

Tuy nhiên, vẫn còn 09/17 nguồn thu đạt thấp so dự toán giao như: Thu tiền sử dụng đất bằng 62,50%; thuế bảo vệ môi trường bằng 74,18%; lệ phí trước bạ bằng 74,86%; thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương bằng 80%; thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh bằng 80,74%; thuế thu nhập cá nhân bằng 85,92%; thu phí, lệ phí bằng 86,30%; thu từ hoạt động xổ số bằng 88,46%; thu khác ngân sách 93,75% dự toán. Các nguồn thu đạt thấp chủ yếu là do đại dịch COVID-19 kéo dài, ảnh hưởng trực tiếp giảm thu từ tháng 5/2021 đến cuối năm 2021, cụ thể một số nguồn thu như:

+ Thu tiền sử dụng đất: Ước thực hiện 250 tỷ đồng, bằng 62,50% so dự toán năm, giảm 59,75% so với cùng kỳ, do thực hiện giãn cách xã hội để phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh nên các dự án về kinh doanh bất động sản ngừng hoạt động, thị trường mua bán bất động sản đóng băng,... ước giảm thu 150 tỷ đồng.

+ Thuế bảo vệ môi trường: Ước thực hiện 408 tỷ đồng, bằng 74,18% dự toán, giảm 30,74% so với thực hiện cùng kỳ, do thực hiện giãn cách xã hội trên địa bàn tỉnh nên hầu hết các doanh nghiệp kinh doanh vận tải và phương tiện đi lại ngừng hoạt động,... ước giảm thu trên 140 tỷ đồng.

+ Lệ phí trước bạ: Ước thực hiện 131 tỷ đồng, bằng 74,86% so dự toán, giảm 25,8% so với thực hiện cùng kỳ, ước giảm thu trên 50 tỷ đồng.

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Ước thực hiện 436 tỷ đồng, bằng 80,74% dự toán, do thực hiện áp dụng giãn cách xã hội theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh; doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc hoạt động trong điều kiện đảm bảo thực hiện phòng, chống dịch; do đó, ước thu thuế GTGT phải nộp năm 2021 giảm trên 60 tỷ đồng, thuế TNDN phải nộp năm 2021 giảm trên 20 tỷ đồng. Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch COVID-19, ước giảm thu thuế TNDN đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu trong năm không quá 200 tỷ đồng và miễn thuế GTGT hộ cá nhân kinh doanh khoán thuế là trên 55 tỷ đồng.

+ Thuế thu nhập cá nhân: Ước thực hiện 305 tỷ đồng, bằng 85,92% dự toán, giảm 20,4% so thực hiện cùng kỳ, do dừng phát hành vé số nên nguồn thu thuế TNCN từ trúng thưởng xổ số ước giảm trên 40 tỷ đồng; đồng thời, thực hiện Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ước miễn thuế TNCN cho hộ cá nhân kinh doanh khoán thuế 6 tháng cuối năm 2021 trên 15 tỷ đồng.

+ Thu từ hoạt động xổ số: Từ đầu tháng 7/2021 đến cuối tháng 10/2021 Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh Cà Mau tạm ngừng không phát hành vé số do thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh, ước thực hiện 1.150 tỷ đồng, bằng 88,46% dự toán, giảm 15,90% so với thực hiện cùng kỳ; số thuế phải nộp ước giảm trên 400 tỷ đồng.

- Về đơn vị thu:

+ Cấp tỉnh ước thu đạt 4.143,9 tỷ đồng, bằng 90,5% so với dự toán giao (4.578,7 tỷ đồng), giảm 21,3% so với thực hiện cùng kỳ.

+ Cấp huyện, thành phố ước thu đạt 766,10 tỷ đồng, bằng 86,66% dự toán, giảm 25,5% so thực hiện cùng kỳ, cụ thể: Có 02/9 đơn vị huyện thu đạt dự toán là huyện Thới Bình ước thu đạt 61,10 tỷ đồng, bằng 100% dự toán và huyện U Minh ước thu đạt 49 tỷ đồng, bằng 100% dự toán; 07/9 đơn vị huyện, thành phố thu không đạt dự toán, gồm: Huyện Cái Nước ước thu đạt 43 tỷ đồng, bằng 80,83% dự toán; thành phố Cà Mau ước thu đạt 360 tỷ đồng, bằng 82% dự toán; huyện Phú Tân ước thu đạt 34 tỷ đồng, bằng 87,18% dự toán; huyện Đầm Dơi ước thu đạt 70 tỷ đồng, bằng 87,94% dự toán; huyện Trần Văn Thời ước thu đạt 88 tỷ đồng, bằng 90,91% dự toán; huyện Ngọc Hiển ước thu đạt 25 tỷ đồng, bằng 91,58% dự toán; huyện Năm Căn ước thu đạt 36 tỷ đồng, bằng 92,31% dự toán.

2. Chi ngân sách địa phương

Năm 2021, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị thông qua tổng chi ngân sách địa phương là 10.610,07 tỷ đồng; trong đó: Chi trong cân đối ngân sách 8.918,91 tỷ đồng (bao gồm chi trả lãi vay 2,97 tỷ đồng); chi thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ 1.691,17 tỷ đồng. Ước tổng chi NSDP là 10.483,68 tỷ đồng, bằng 98,66% dự toán; trong đó, chi trong cân đối NSDP 8.862,42 tỷ đồng, đạt 99,37% dự toán; chi

thực hiện các chương trình mục tiêu 1.297,75 tỷ đồng, đạt 76,74% dự toán. Cụ thể một số lĩnh vực chi chủ yếu như sau:

a) Chi đầu tư phát triển

Dự toán giao năm 2021 là 2.452,10 tỷ đồng. Ước thực hiện 1.995,90 tỷ đồng, bằng 81,40% kế hoạch vốn, cụ thể:

+ Giải ngân vốn xây dựng cơ bản tập trung 650,84 tỷ đồng/702,09 tỷ đồng, đạt 92,70% kế hoạch;

+ Giải ngân nguồn sử dụng đất cấp huyện quản lý 123,3 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch;

+ Giải ngân nguồn vốn xổ số 1.100 tỷ đồng/1.130 tỷ đồng, đạt 84,62% kế hoạch;

+ Giải ngân nguồn bội chi NSDP 36 tỷ đồng, đạt 40% dự toán;

+ Bổ sung vốn Quỹ Phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh là 85,76 tỷ đồng, đạt 36,23% kế hoạch.

b) Chi thường xuyên

Dự toán giao năm 2021 là 6.287,96 tỷ đồng. Ước thực hiện 6.862,55 tỷ đồng, đạt 109,14% dự toán. Trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: Dự toán giao 1.235,43 tỷ đồng, ước chi 1.135,82 tỷ đồng, đạt 91,94% dự toán. Chủ yếu chi thực hiện công tác duy tu, sửa chữa công trình giao thông; nạo vét, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi; kiến thiết thị chính (cây xanh đô thị); thực hiện chính sách phát triển đất trồng lúa và một số nhiệm vụ phát sinh do Trung ương hỗ trợ có mục tiêu trong năm để thực hiện như: Hỗ trợ khẩn cấp công tác phòng chống sạt lở bờ sông, đê biển, thực hiện các công trình phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn,... chi không đạt dự toán là do giá cả vật liệu xây dựng trên thị trường biến động tăng nên dự toán phải liên tục cập nhật để điều chỉnh cho phù hợp với từng thời điểm và cũng ảnh hưởng đến công tác lựa chọn nhà thầu. Mặt khác, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 nên một số công trình triển khai thi công chậm, dẫn đến chậm phát sinh khối lượng thanh toán.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Dự toán giao 2.400,07 tỷ đồng, ước chi 2.308,05 tỷ đồng, đạt 96,17% dự toán. Chi đạt thấp so với dự toán là do tác động của đại dịch COVID-19 nên các chương trình đào tạo, bồi dưỡng không triển khai thực hiện; một số trường học, cơ sở giáo dục chuyển từ hình thức dạy học trực tiếp sang hình thức dạy học trực tuyến, hướng dẫn học sinh tự học ở nhà là chính nên ảnh hưởng tình hình hoạt động của các trường (tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi, các phong trào, chi hoạt động,...).

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Dự toán giao 611,80 tỷ đồng, ước chi 911,07 tỷ đồng, đạt 148,92% dự toán. Chi tăng so với dự toán chủ yếu thực hiện chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 (sử dụng nguồn dự phòng ngân sách để mua sắm trang thiết bị, hóa chất, vật tư y tế để phòng, chống dịch bệnh COVID-19); kinh phí ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng thụ hưởng được chi trả kịp thời theo quy định.

- Chi quản lý hành chính: Dự toán giao 1.222,37 tỷ đồng, ước chi 1.207,37 tỷ đồng, đạt 98,77% dự toán. Chi không đạt dự toán là do giảm kinh phí tổ chức hội nghị; tiết kiệm chi thường xuyên và giảm dự toán theo tinh thần Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

- Chi đảm bảo xã hội: Dự toán giao 304,70 tỷ đồng, ước chi 715,38 tỷ đồng, đạt 234,78% dự toán. Chi đạt cao so với dự toán là do chi hỗ trợ cho các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19; hỗ trợ tiền Tết cho các đối tượng; chi các chế độ, chính sách an sinh xã hội từ ngân sách Trung ương hỗ trợ.

- Chi Quốc phòng - An ninh: Dự toán giao 210,94 tỷ đồng, ước chi 249,60 tỷ đồng, đạt 118,32% dự toán. Chi đạt cao so với dự toán là do chi cho công tác phòng, chống dịch COVID-19; ngoài ra, địa phương sử dụng nguồn dự phòng ngân sách để hỗ trợ cho lĩnh vực Quốc phòng - An ninh (công tác tuần tra trên biển, phối hợp thực hiện Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ,...).

c) Chi chương trình mục tiêu, hỗ trợ có mục tiêu

Dự toán chi các chương trình mục tiêu năm 2021 là 1.691,17 tỷ đồng. Ước thực hiện 1.297,75 tỷ đồng (bao gồm Trung ương bổ sung mục tiêu 91,33 tỷ đồng trong năm), đạt 76,74% so với dự toán.

Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao chi tiết từng danh mục, dự án, công trình thuộc nguồn vốn chương trình mục tiêu năm 2021 để các đơn vị, địa phương chủ động triển khai thực hiện; đồng thời, thường xuyên theo dõi, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện và tiến độ giải ngân các dự án, chương trình. Tuy nhiên, có một số nguồn vốn giải ngân không đạt dự toán là do vào những tháng đầu năm dịch COVID-19 bùng phát và kéo dài, thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nên tiến độ thi công dự án bị chậm so với kế hoạch. Bên cạnh đó, các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025 đến ngày 15/9/2021, Thủ tướng Chính phủ mới giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025; từ đó, địa phương mới đủ điều kiện phân bổ chi tiết Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước) năm 2021, với số vốn 580,40 tỷ đồng. Do đó, tỷ lệ giải ngân vốn ngân sách Trung ương năm 2021 đạt thấp so với dự kiến. Mặt khác, nguồn vốn nước ngoài ước giải ngân chỉ đạt 29,06% dự toán giao (265 tỷ đồng), nguyên nhân chủ yếu là do Nhà tài trợ (WB) chậm có ý kiến không phản đối thiết kế chi tiết đối với Hạng mục hồ chứa nước ngọt và nhà máy xử lý nước thải. Một số dự án đang cập nhật, điều chỉnh hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, cũng như công tác thẩm tra thiết kế phải tiến hành cập nhật nhiều lần do có nhiều thay đổi về văn bản pháp quy liên quan đến quản lý dự án đầu tư, quản lý chi phí đầu tư (cập nhật định mức, đơn giá xây dựng,...), các văn bản quy định ở địa phương, của Tổng cục Đường bộ có liên quan đến nội dung cao độ hoàn thiện công trình trên địa bàn tỉnh Cà Mau,...; đồng thời, gói thầu thẩm định giá vật tư, thiết bị có khối lượng công việc tương đối lớn, trong đó nhiều vật tư, thiết bị có nguồn gốc, xuất xứ của nước ngoài, nên tư vấn thẩm định giá thực hiện mất rất nhiều thời gian, không sử dụng được kế hoạch vốn năm 2021 đã phân bổ.

Nhìn chung, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 05/01/2021 thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2021 và theo dõi chỉ đạo, đôn đốc thực hiện. Do vậy, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19 và tình trạng biến đổi khí hậu gây ra các hình thái thời tiết cực đoan dẫn đến công tác thu trong cân đối ngân sách năm 2021 đạt thấp so với dự toán (ước tổng thu được hưởng năm 2021 là 4.532,38 tỷ đồng, đạt 90,29% dự toán (5.019,60 tỷ đồng)), nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh đã khắc phục những khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành ngân sách để đảm bảo các khoản chi lương, các khoản có tính chất lương, chế độ, chính sách cho con người, các chế độ an sinh - xã hội.

(Chi tiết theo Phụ lục I, II, III - Biểu mẫu số 12, 13, 14 ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ).

d) Sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh

Dự phòng ngân sách cấp tỉnh đầu năm 2021 được bố trí 103,20 tỷ đồng; trong năm được bổ sung từ kinh phí cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên là 136,82 tỷ đồng; thực hiện đến ngày 24/11/2021 là 240,02 tỷ đồng, đạt 100% dự toán. Việc sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh chủ yếu để chi mua sắm trang thiết bị, hóa chất, vật tư y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19; chi hỗ trợ người lao động không giao kết hợp đồng lao động bị mất việc do dịch COVID-19; chi phục vụ công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chi cấp thiết khác chưa được bố trí dự toán thực hiện.

Ngoài ra, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động đã bố trí từ nguồn tiết kiệm chi ngân sách năm 2020 chuyển sang năm 2021 để bổ sung cho công tác phòng, chống dịch, hỗ trợ các đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19, với tổng nguồn kinh phí là 158,5 tỷ đồng.

(Chi tiết sử dụng dự phòng theo Phụ lục VIII kèm theo).

II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ, CÔNG SẢN VÀ ĐẦU TƯ

1. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Luật Giá năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành theo thẩm quyền và trình cấp thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa để triển khai thực hiện; qua đó, đã giải quyết kịp thời những vấn đề tồn tại, vướng mắc thực tiễn trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công, quản lý giá; giúp cho công tác quản lý nhà nước về tài sản công, quản lý nhà nước về giá ngày càng đi vào nề nếp, phát huy được hiệu quả, phục vụ tốt cho quá trình thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật như sau: Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2022 (thay thế Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 17/12/2020); mức thu tiền khu vực biển 5

năm giai đoạn 2021 - 2025 (thay thế Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020); hệ số điều chỉnh giá đất bổ sung năm 2021; hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 (thay thế Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020).

2. Lĩnh vực quản lý giá

Thực hiện Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 26/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ; theo đó, thông báo giá cả thị trường các mặt hàng thiết yếu theo định kỳ 02 ngày/lần; Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thành lập Đoàn công tác thực hiện kiểm tra tình hình giá cả thị trường. Nhìn chung, tình hình giá cả thị trường trong tỉnh tương đối ổn định; tại các chợ và trung tâm mua sắm trong tỉnh tập trung nhiều hàng hóa phục vụ Tết, đa dạng về chủng loại và kiểu dáng, lượng cung cấp dồi dào, không xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa, tăng giá gây bất ổn thị trường.

3. Lĩnh vực quản lý công sản

Công tác quản lý công sản được thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, rà soát tại các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; chấn chỉnh, xử lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản công là đất đai, trụ sở làm việc không chặt chẽ nhằm hạn chế, khắc phục tình trạng bị lấn, chiếm hoặc sử dụng không đúng mục đích.

- Về lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Tổ công tác kiểm tra hiện trạng, lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. Trong năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 04 Quyết định phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý 05 cơ sở nhà, đất và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các trình tự, thủ tục xử lý theo quy định.

- Việc quản lý, sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết: Thực hiện Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt 15 đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, làm cơ sở cho các đơn vị thực hiện nhằm đưa tài sản vào khai thác mang lại hiệu quả cao hơn. Nhìn chung, các đơn vị đều quản lý, sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đúng theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu suất quản lý, sử dụng tài sản công, tăng nguồn thu bổ sung vào kinh phí hoạt động của các đơn vị.

- Về mua sắm, sửa chữa tài sản công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân bổ dự toán nguồn kinh phí mua sắm, sửa chữa tập trung của tỉnh, với số tiền 53,1 tỷ đồng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị.

4. Công tác quản lý vốn đầu tư

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã tăng cường chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện nghiêm công tác quyết toán dự án hoàn thành theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các chủ đầu tư chủ động, thường xuyên rà soát tình hình thực hiện các dự án, công trình để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc, đôn đốc lập, trình thẩm tra phê duyệt quyết toán đảm bảo thời gian theo quy định, tránh để xảy ra tình trạng tồn đọng. Từ đó, các chủ đầu tư đã tích cực thực hiện công tác quyết toán dự án, công trình hoàn thành, góp phần làm giảm đáng kể số lượng dự án, công trình tồn đọng.

Đến ngày 31/10/2021, tổng số hồ sơ tiếp nhận thực hiện thẩm tra quyết toán là 131 hồ sơ, giá trị đề nghị quyết toán là 1.307,66 tỷ đồng; đã thẩm tra quyết toán 126 hồ sơ, giá trị quyết toán 1.236,01 tỷ đồng, từ chối quyết toán 5,49 tỷ đồng đối với các nội dung chi phí không đúng quy định hoặc không đủ điều kiện thanh toán như chi phí xây dựng, chi phí quản lý dự án, chi phí khảo sát,... (trong đó: Nguồn vốn đầu tư 60 hồ sơ, giá trị đề nghị quyết toán là 1.142,66 tỷ đồng, đã thẩm tra quyết toán 55 hồ sơ, giá trị quyết toán 1.071,65 tỷ đồng; từ chối quyết toán 4,84 tỷ đồng. Nguồn vốn duy tu sửa chữa công trình giao thông là 19 hồ sơ, giá trị đề nghị quyết toán là 57,78 tỷ đồng, đã thẩm tra quyết toán 19 hồ sơ, giá trị quyết toán 57,63 tỷ đồng; từ chối quyết toán 0,15 tỷ đồng. Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi 52 hồ sơ, giá trị đề nghị quyết toán là 107,23 tỷ đồng, đã thẩm tra quyết toán 52 hồ sơ, giá trị quyết toán 106,73 tỷ đồng; từ chối quyết toán 0,5 tỷ đồng).

- Công tác xử lý tất toán các dự án, công trình được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện; bên cạnh đó, vẫn còn một số chủ đầu tư chưa thực hiện tốt, dẫn đến còn nhiều dự án, công trình đã có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhưng chưa xử lý tất toán. Đến ngày 31/10/2021, tổng số dự án, công trình đã có quyết định phê duyệt quyết toán nhưng chưa tất toán là 225 dự án, công trình với tổng số ngân sách phải cấp bổ sung 20,65 tỷ đồng, số ngân sách phải thu hồi là 29,35 tỷ đồng.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH, QUẢN LÝ GIÁ, TÀI SẢN CÔNG VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2021

1. Về thu ngân sách

a) Thuận lợi

- Ngay từ đầu năm, bám sát sự chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Cục Thuế tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ; rà soát lại kết quả thu năm 2020, đánh giá toàn bộ các nguồn thu theo từng khoản thu, sắc thuế, chủ động xây dựng chương trình công tác với 19 nhóm giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm khuyến khích thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế để tạo nguồn thu bền vững cho NSNN.

- Ngay khi dịch COVID-19 tái bùng phát, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Cục Thuế theo dõi sát với diễn biến tình hình, xây dựng các kịch bản dịch bệnh ảnh

hưởng đến thu NSNN năm 2021, phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành phố biển, tuyên truyền để người nộp thuế nắm đầy đủ các chủ trương, chính sách hỗ trợ của nhà nước ngay sau khi chính sách được ban hành, giúp doanh nghiệp kịp thời phục hồi sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu cho NSNN. Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp của cấp trên, vừa phòng, chống dịch bệnh vừa tăng cường quản lý khai thác nguồn thu, chống thất thu, xử lý nợ đọng, với nhiều giải pháp cụ thể như: Tập trung tổ chức hướng dẫn các doanh nghiệp quyết toán các khoản thuế phát sinh năm 2020, đơn đốc kê khai nộp kịp thời các khoản thuế mới phát sinh, khai thác các khoản thu vãng lai nhà thầu xây dựng cơ bản, thu tiền sử dụng đất các Dự án khu dân cư, khu đô thị mới; tăng cường công tác giám sát hồ sơ khai thuế, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, triển khai xử lý nợ thuế với nhiều biện pháp cưỡng chế nợ thuế phù hợp.

- Thu từ Cụm Dự án Khí - Điện - Đạm là nguồn thu lớn, chiếm tỷ trọng ước trên 33% tổng thu ngân sách trên địa bàn, giá dầu thế giới tăng (trên 70 USD/thùng), giá khí tăng (tương đương 5.500 đ/m³), sản lượng khí đạt khá so kế hoạch. Đặc biệt, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện kê khai thuế theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ nên thuế GTGT tăng đột biến 68 tỷ đồng, ước thực hiện thu ngân sách từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương đạt khá và hoàn thành vượt dự toán năm 2021.

- Đối với nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, từ 01/4/2021 phát hành thêm 01 đầu vé, dự kiến tăng thêm số thuế phải nộp 10 tỷ đồng/tháng.

- Dự án Điện gió Viên An và Tân Thuận triển khai xây dựng, các nhà thầu nước ngoài nộp thuế vãng lai khá cao; vì vậy nguồn thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 180% dự toán năm.

b) Hạn chế, khó khăn, nguyên nhân

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, tình hình quản lý thu ngân sách năm 2021 vẫn còn một số khó khăn nhất định, cụ thể:

- Nhiệm vụ thu ngân sách được triển khai trong bối cảnh đại dịch COVID-19 tái bùng phát, đã ảnh hưởng lớn đến nhiều mặt đời sống kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh Cà Mau nói riêng: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt thấp; số lượng doanh nghiệp ngưng nghỉ, bỏ địa chỉ kinh doanh tăng;... ảnh hưởng đến tiến độ thu NSNN.

- Tình hình dịch bệnh đã tác động giảm thu đến nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh và dịch vụ như: Các nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu, hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, thẩm mỹ, hoạt động vận tải, xổ số,... bị đình trệ, tác động trực tiếp làm giảm thu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân. Theo số liệu của ngành Thuế, đến nay có trên 400 doanh nghiệp nghỉ kinh doanh và 200 doanh nghiệp tạm ngưng kinh doanh; tác động trực tiếp làm giảm thu trên 500 tỷ đồng, cụ thể: Do ảnh hưởng của dịch COVID-19 làm cho thuế phát sinh đạt thấp, ước giảm thu trên 420 tỷ đồng; thực hiện Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 giảm thu trên 80 tỷ đồng.

- Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh thuế phát sinh đạt thấp, hụt thu cao so với dự toán, nguyên nhân là do:

+ Về chính sách thuế được sửa đổi, bổ sung theo hướng miễn, giảm để hỗ trợ cho người nộp thuế, cụ thể như: Không thu thuế giá trị gia tăng đối với các mặt hàng nông, lâm, thủy sản chưa qua chế biến; các sản phẩm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số ngành hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh đối với một số ngành nghề hiện nay đang khó khăn, một số doanh nghiệp hoạt động cầm chừng hoặc tạm ngừng kinh doanh do chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19, cụ thể như: Các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành xây dựng, tư vấn giám sát, thiết kế; kinh doanh bất động sản, các nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu,... kê khai thuế phát sinh rất thấp; một số công trình xây dựng cơ bản lớn trên địa bàn chủ yếu do các nhà thầu ngoài tỉnh trúng thầu thi công; thị trường bán lẻ đối với các doanh nghiệp trong tỉnh bị thu hẹp do các Tập đoàn, Tổng công ty ngoài tỉnh phủ kín, như: Sài Gòn Coopmart, Nguyễn Kim, hệ thống kinh doanh Điện máy xanh, Bách hóa xanh, Thế giới di động, Điện máy chợ lớn, các chi nhánh Doanh nghiệp viễn thông Viettel, FPT, thời trang, mỹ phẩm, thuốc tân dược,... giá bán theo chuỗi kinh doanh, nên thuế giá trị gia tăng phát sinh thấp, trong khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp khai nộp tại trụ sở chính thuộc các thành phố lớn.

2. Về chi ngân sách

a) Thuận lợi

- Việc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 được Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tích cực ngay từ đầu năm; theo đó, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư và quy định tiến độ giải ngân theo từng quý; xem việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và phải được chỉ đạo quyết liệt. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị thực hiện thông qua các phiên họp hàng tháng, hàng quý và đánh giá chuyên đề về đầu tư công, cũng như tại các cuộc họp nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư công.

- Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 của tỉnh Cà Mau được phân bổ đảm bảo đúng nguyên tắc bố trí vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; theo đó, tập trung bố trí vốn đầu tư cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản; dự án chuyển tiếp; dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021; sau đó mới bố trí cho các dự án khởi công mới; đồng thời, cơ quan chức năng đã thông báo vốn đến các chủ đầu tư kịp thời ngay từ đầu năm, tạo điều kiện cho các chủ đầu tư thanh toán khối lượng hoàn thành.

- Trong điều hành chi ngân sách, các ngành, các cấp luôn bám sát dự toán được cấp thẩm quyền giao và thực hiện tốt các nhóm giải pháp quản lý, điều hành ngân sách. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, tham mưu đề xuất trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 nhằm

đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

b) Hạn chế, khó khăn, nguyên nhân

Mặc dù được sự chỉ đạo quyết liệt của cấp có thẩm quyền, nhưng tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản của tỉnh vẫn còn những khó khăn, hạn chế nhất định, cụ thể:

- Trong những tháng đầu năm 2021, các chủ đầu tư tập trung giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 (được giải ngân đến ngày 31/01/2021). Năm 2021 là năm đầu tiên của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn năm 2021 của tỉnh được bố trí phân lớn cho các dự án khởi công mới (cụ thể: Vốn ngân sách Trung ương trong nước bố trí các dự án, công trình khởi công mới chiếm 51,7%, vốn ngân sách tập trung chiếm 75,3%, vốn xổ số chiếm 77,1%), nên các tháng đầu năm các chủ đầu tư tập trung thực hiện hồ sơ, thủ tục đầu tư theo quy định (trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phát hành hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng,...), nên đến khoảng quý II năm 2021 mới khởi công và phát sinh khối lượng để giải ngân; riêng vốn ngân sách Trung ương trong nước năm 2021 bố trí các dự án khởi công mới đến cuối tháng 9/2021 mới phân bổ chi tiết sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- Một số dự án còn vướng mắc trong khâu bồi thường, giải phóng mặt bằng, nên tiến độ giải ngân chậm so với kế hoạch; sự biến động về giá thép và tình trạng khan hiếm cục bộ một số mặt hàng vật liệu xây dựng như cát, đá,...; đồng thời, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 nên nhiều dự án phải tạm ngừng thi công, chỉ một số dự án phòng, chống thiên tai mới được tiếp tục thi công nhưng phải thực hiện biện pháp phòng, chống dịch (bố trí số lượng lao động ít hơn, tâm lý lo ngại lây lan dịch bệnh của người lao động) nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thi công.

- Đặc thù một số dự án mua sắm trang thiết bị (y tế, công nghệ thông tin) phải hoàn thành toàn bộ gói thầu mới thực hiện thanh toán (thiết bị được mua sắm trọn bộ, lắp đặt, vận hành đồng bộ); ngoài ra, trang thiết bị y tế cần có chuyên gia chuyên gia, hướng dẫn, tuy nhiên do dịch COVID-19 nên khó khăn trong công tác đi lại thực hiện). Một số dự án, công trình trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh điều chỉnh quy mô, hạng mục đầu tư để phát huy hiệu quả đầu tư, phải thực hiện trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư, điều chỉnh thiết kế,... nên mất nhiều thời gian.

3. Về quản lý giá, công sản và đầu tư

a) Thuận lợi

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể hóa được ban hành kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi để địa phương thực hiện; công tác quản lý, sử dụng tài sản công được các cơ quan, tổ chức, đơn vị quan tâm thực hiện, từng bước đi vào nề nếp; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý tài sản được đẩy mạnh; hàng năm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị đều công khai và báo cáo việc quản lý, sử dụng tài sản để cập nhật vào Phần

mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước 4.0, giúp cho việc quản lý tài sản được chặt chẽ hơn.

- Công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư được thực hiện đúng theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn về quản lý dự án đầu tư xây dựng; từ đó, công tác quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đề ra.

b) Khó khăn

- Một số cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản chưa được chặt chẽ, không hiệu quả, đặc biệt là các cơ sở nhà, đất, dẫn đến bị lấn chiếm, tranh chấp.

- Một số chủ đầu tư chưa quan tâm đến công tác quyết toán, tất toán dự án hoàn thành; vẫn còn dự án, công trình chậm nộp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và chưa xử lý tất toán theo quy định.

Mặc dù vẫn tồn tại những khó khăn, thách thức, song công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2021 của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng và an ninh địa phương.

PHẦN II PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NĂM 2022

Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ NSNN năm 2022 được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao và tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự toán thu, chi ngân sách tỉnh năm 2022 trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị với những nội dung chủ yếu như sau:

I. NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NĂM 2022

1. Xây dựng dự toán thu, chi ngân sách năm 2022

a) Thu ngân sách nhà nước

Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh năm 2022 là 4.401 tỷ đồng, bằng 80,33% so với dự toán năm 2021 (5.478,70 tỷ đồng) và bằng 84,31% so với ước thực hiện năm 2021 (5.220 tỷ đồng). Trong đó, thu nội địa 4.286 tỷ đồng, giảm 21,54% so với dự toán năm 2021, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 115 tỷ đồng, tăng 618,75% so với dự toán năm 2021.

b) Chi ngân sách địa phương

Tổng chi NSDP năm 2022 là 10.640,13 tỷ đồng, bằng 100,28% so với dự toán năm 2021 (10.610,07 tỷ đồng). Trong đó, chi cân đối NSDP là 9.548,81 tỷ đồng, bằng 107,06% so với dự toán năm 2021; chi các chương trình mục tiêu 1.091,32 tỷ đồng, giảm 35,47% so với dự toán năm 2021.

2. Cân đối thu, chi ngân sách địa phương năm 2022

a) Tổng thu NSDP 10.640,13 tỷ đồng, bao gồm:

- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp:	3.971,87 tỷ đồng;
- Bổ sung từ ngân sách Trung ương:	6.502,44 tỷ đồng.
+ Bổ sung cân đối ổn định:	5.411,13 tỷ đồng;
+ Bổ sung có mục tiêu:	1.091,32 tỷ đồng;
- Thu từ nguồn vay:	100,70 tỷ đồng;

b) Tổng chi NSDP 10.640,13 tỷ đồng, trong đó:

- Chi trong cân đối ngân sách:	9.548,81 tỷ đồng;
+ Chi đầu tư phát triển (bao gồm chi trả nợ gốc):	2.441,49 tỷ đồng;
+ Chi thường xuyên:	6.916,13 tỷ đồng;
+ Chi trả nợ lãi vay:	4,93 tỷ đồng;
+ Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	1,00 tỷ đồng;
+ Chi dự phòng:	185,26 tỷ đồng;
- Chi các chương trình mục tiêu:	1.091,32 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục IV, V, VI, VII - Biểu mẫu số 15, 16, 17, 18 ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ).

3. Phân bổ một số nhiệm vụ chi chủ yếu

a) Chi đầu tư phát triển 2.441,49 tỷ đồng, chiếm 25,57% tổng chi cân đối ngân sách, bằng 99,57% so với dự toán năm 2021 (2.452,10 tỷ đồng). Trong đó:

- Chi đầu tư từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung 625,79 tỷ đồng, chiếm 25,63% tổng chi đầu tư phát triển;

- Chi đầu tư từ nguồn thu hoạt động xổ số 1.400 tỷ đồng, chiếm 57,34% tổng chi đầu tư phát triển;

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất 315 tỷ đồng, chiếm 12,90% tổng chi đầu tư phát triển;

- Chi đầu tư từ nguồn vay của ngân sách địa phương 100,70 tỷ đồng, chiếm 4,12% tổng chi đầu tư phát triển;

b) Chi thường xuyên 6.916,13 tỷ đồng, chiếm 72,43% tổng chi cân đối ngân sách, tăng 9,99% so dự toán năm 2021 (6.287,96 tỷ đồng), trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 2.578,68 tỷ đồng, chiếm 37,28% tổng chi thường xuyên, bằng dự toán Trung ương giao, tăng 7,44% so dự toán năm 2021;

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ 34,82 tỷ đồng, tăng 7,28 tỷ đồng so với dự toán Trung ương giao (27,55 tỷ đồng), chiếm 0,50% tổng chi thường xuyên, tăng 0,25% so dự toán năm 2021;

- Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội 274,18 tỷ đồng, chiếm 3,96% tổng chi thường xuyên, tăng 29,98% so dự toán năm 2021;
 - Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình 643,42 tỷ đồng, chiếm 9,30% tổng chi thường xuyên, tăng 5,17% so dự toán năm 2021;
 - Sự nghiệp văn hóa thông tin 62,44 tỷ đồng, chiếm 0,90% tổng chi thường xuyên, bằng 98,94% so dự toán năm 2021;
 - Sự nghiệp phát thanh, truyền hình 27,90 tỷ đồng, chiếm 0,40% tổng chi thường xuyên, tăng 20,28% so dự toán năm 2021;
 - Sự nghiệp thể dục thể thao 36,41 tỷ đồng, chiếm 0,53% tổng chi thường xuyên, tăng 17,01% so dự toán năm 2021;
 - Sự nghiệp bảo vệ môi trường 93,72 tỷ đồng, chiếm 1,36% tổng chi thường xuyên, tăng 6,22% so dự toán năm 2021;
 - Sự nghiệp kinh tế 1.377,03 tỷ đồng, chiếm 19,91% tổng chi thường xuyên, tăng 11,46% so dự toán năm 2021;
 - Chi quản lý hành chính 1.233,11 tỷ đồng, chiếm 17,83% tổng chi thường xuyên, tăng 0,88% so dự toán năm 2021;
 - Chi đảm bảo xã hội 485,26 tỷ đồng, chiếm 7,02% tổng chi thường xuyên, tăng 59,26% so dự toán năm 2021;
 - Chi khác ngân sách 69,16 tỷ đồng, chiếm 1,00% tổng chi thường xuyên, tăng 11,09% so dự toán năm 2021.
- c) Dự phòng ngân sách 185,26 tỷ đồng, chiếm 2% tổng chi cân đối ngân sách, tăng 5,93% so dự toán năm 2021.

Chi dự phòng ngân sách các cấp được thực hiện để chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách mà chưa được dự toán... theo quy định tại Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước. Trường hợp tình hình dịch bệnh COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trong năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo rà soát, thu hồi, cắt giảm, điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước đã giao cho các cơ quan, đơn vị nhưng không triển khai thực hiện hoặc dự kiến thực hiện không hết so với dự toán để bố trí cho công tác phòng, chống dịch COVID-19 và các nhiệm vụ chi bắt thiết khác theo đúng quy định.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NĂM 2022

Năm 2022 là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, là năm đầu của thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2022 - 2025, nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021 - 2025 và các mục tiêu của Kế hoạch Tài chính 5 năm giai đoạn 2021 - 2025. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội năm 2022 của cả nước nói chung, tỉnh Cà Mau nói riêng từng bước đi vào ổn định, phục hồi và tăng trưởng hậu đại dịch COVID-19; do đó, nhằm phát huy

những điều kiện thuận lợi, tận dụng cơ hội để phát triển kinh tế - xã hội và chủ động khắc phục, ứng phó với những thách thức, khó khăn, đặc biệt là tình hình dịch bệnh, thiên tai còn đang diễn biến phức tạp để hướng tới thực hiện thắng lợi nhiệm vụ điều hành NSNN 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung một số giải pháp trọng tâm như sau:

1. Triển khai đồng bộ các giải pháp, chỉ đạo về quản lý, điều hành NSNN của Chính phủ, Bộ Tài chính; tiếp tục thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới. Ngành Tài chính chủ động tổ chức rà soát, đánh giá đầy đủ, kịp thời những tác động của dịch bệnh COVID-19 đến tình hình thu ngân sách, làm cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành thu, chi ngân sách chủ động; tăng cường công tác dự báo mức tăng trưởng từng ngành, từng lĩnh vực, khả năng phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; đảm bảo hoàn thành dự toán thu NSNN năm 2022 đi đôi với quản lý hiệu quả đầu tư công và chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả. Ngành Thuế tiếp tục phối hợp chặt chẽ các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác nguồn thu, tăng cường chống thất thu thuế; dự kiến nguồn thu phát sinh và nguồn thu còn tiềm năng để áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý thu, khai thác tốt nguồn thu, tăng cường công tác chống thất thu và đôn đốc thu hồi nợ thuế.

2. Thực hiện quyết liệt Chương trình hành động, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về chỉ đạo, điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2022; về giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý thu ngân sách.

3. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng quy định hiện hành, đảm bảo nhanh chóng, chính xác, khách quan, công khai, dân chủ.

4. Phân bổ ngân sách cho các ngành, các cấp và đơn vị thụ hưởng ngân sách đúng luật định. Ngành Tài chính thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình và phân tích, dự báo những tác động ảnh hưởng đến nhiệm vụ thu, chi ngân sách trên địa bàn, để kịp thời đề ra những giải pháp quản lý hiệu quả. Tập trung chỉ đạo, điều hành thu, chi ngân sách theo dự toán được giao theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn. Hạn chế tối đa các khoản chi phát sinh ngoài dự toán, chi vượt khả năng cân đối của từng cấp ngân sách. Trường hợp thu ngân sách không đạt dự toán thì phải chủ động sắp xếp, cắt giảm, điều chỉnh nhiệm vụ chi tương ứng để đảm bảo không mất cân đối ngân sách.

5. Ngành Thuế tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp quản lý, khai thác tốt các nguồn thu, trong đó chú trọng đến một số nguồn thu chủ lực của tỉnh, phấn đấu thu đạt và vượt dự toán được Bộ Tài chính và Hội đồng nhân dân tỉnh giao để hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN năm 2022. Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn kịp thời cho doanh nghiệp; chủ động tham mưu, kiến nghị cơ chế chính sách thuế phù hợp với thực tiễn để cộng đồng doanh nghiệp, người nộp thuế tiếp tục duy trì, ổn định, phát triển sản xuất kinh doanh, thu

hút đầu tư, tạo nguồn thu bền vững cho NSNN, đồng thời góp phần khuyến khích hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp.

6. Các Sở, ban, ngành, chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau tăng cường công tác quản lý, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; tập trung chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án, công trình xây dựng cơ bản của cấp mình quản lý, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

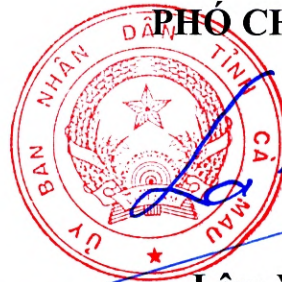
Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các ngành, các cấp, nhất là ngành Tài chính phải quyết tâm phần đầu khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế; quản lý chặt chẽ chi ngân sách, nhằm thực hiện hoàn thành dự toán thu, chi ngân sách năm 2022.

Trên đây là tình hình thực hiện dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ ngân sách năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh (*gửi kèm theo các Phụ lục*). Báo cáo này thay thế Báo cáo số 327/BC-UBND ngày 18/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KT (Đ11.22) (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi

PHỤ LỤC I


ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	10.610.073	10.483.678	-126.395	98,81
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	5.019.600	4.532.376	-487.224	90,29
1	Thu NSDP hưởng 100%	2.102.060	1.737.270	-364.790	82,65
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	2.917.540	2.795.106	-122.434	95,80
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.354.350	5.445.675	91.325	101,71
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.325.428	3.325.428	0	100,00
2	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương đầu năm	337.756	337.756	0	100,00
3	Thu bổ sung có mục tiêu	1.691.166	1.782.491	91.325	105,40
III	Thu từ nguồn vay	90.000	36.000	-54.000	40,00
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	146.123	469.627		
B	TỔNG CHI NSDP	10.610.073	10.483.678	-126.395	98,81
I	Tổng chi cân đối NSDP	8.918.907	8.862.423	118.396	99,37
1	Chi đầu tư phát triển	2.452.097	1.995.904	-456.193	81,40
2	Chi thường xuyên	6.287.956	6.862.546	574.589	109,14
3	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.973	2.973	0	100,00
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	0	100,00
5	Dự phòng ngân sách	174.881			
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.691.166	1.297.752	-393.414	76,74
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		15.743	15.743	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.691.166	1.282.009	-409.157	75,81
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		323.504		
C	BỘI CHI NSDP	90.000	36.000		
D	BỘI THU NSDP				
E	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	0	0	0	
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh			0	0



STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	90.000	36.000	0	
1	Vay để bù đắp bội chi	90.000	36.000		
2	Vay để trả nợ gốc				

PHỤ LỤC II
ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021		Ước thực hiện năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	5.478.700	5.019.600	5.220.000	4.532.376	95,28	90,3
I	Thu nội địa	5.462.700	5.019.600	4.910.000	4.532.376	89,88	90,29
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	1.740.000	1.740.000	1.749.000	1.749.000	100,52	100,52
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	438.000	438.000	445.000	445.000	101,60	101,60
	- Thuế tài nguyên	4.000	4.000	4.000	4.000	100,00	100,00
	- Thuế giá trị gia tăng	1.298.000	1.298.000	1.300.000	1.300.000	100,15	100,15
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt				0		
	- Thu khác				0		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	80.000	80.000	64.000	64.000	80,00	80,00
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.200	29.200	24.700	24.700		
	- Thuế tài nguyên	7.500	7.500	6.400	6.400		
	- Thuế giá trị gia tăng	43.000	43.000	32.000	32.000		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	300	300	900	900		

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021		Ước thực hiện năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	- Thu khác				0		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	25.000	25.000	105.000	105.000	420,00	420,00
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.900	14.900	38.000	38.000		
	- Thuế tài nguyên	100	100	0	0		
	- Thuế giá trị gia tăng	10.000	10.000	67.000	67.000		
	- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	0	0		0		
	- Thu khác				0		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	540.000	540.000	436.000	436.000	80,74	80,74
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	150.800	150.800	135.365	135.365		
	- Thuế tài nguyên	5.560	5.560	4.990	4.990		
	- Thuế giá trị gia tăng	382.645	382.645	294.410	294.410		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	995	995	955	955		
	- Thu khác	0		280	280		
5	Thuế thu nhập cá nhân	355.000	355.000	305.000	305.000	85,92	85,92
6	Thuế bảo vệ môi trường	550.000	204.600	408.000	151.776	74,18	74,18
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước (bằng 37,2% tổng thu)	204.600	204.600	151.776	151.776	74,18	74,18
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu (bằng 62,8% tổng thu)	345.400		256.224		74,18	
7	Lệ phí trước bạ	175.000	175.000	131.000	131.000	74,86	74,86
8	Thu phí, lệ phí	92.700	60.000	80.000	51.300	86,30	85,50



STT	Nội dung B	Dự toán năm 2021		Ước thực hiện năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	- Phí và lệ phí trung ương	32.700		28.700		87,77	
	- Phí và lệ phí địa phương thu	60.000	60.000	51.300	51.300	85,50	85,50
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0	0		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000	4.000	4.000	4.000	100,00	100,00
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	25.000	25.000	27.000	27.000	108,00	108,00
12	Thu tiền sử dụng đất	400.000	400.000	250.000	250.000	62,50	62,50
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				0		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.300.000	1.300.000	1.150.000	1.150.000	88,46	88,46
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	5.000	5.000	5.000	5.000	100,00	100,00
16	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển	0	0	35.000	7.000		
	- Thu từ giấy phép do cơ quan Trung ương cấp			28.000			
	- Thu từ giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp			7.000	7.000		
17	Thu khác ngân sách	160.000	95.000	150.000	85.300	93,75	89,79
18	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.000	1.000	1.000	1.000	100,00	100,00
19	Thu hồi vốn, thu cổ tức	10.000	10.000	10.000	10.000	100,00	100,00
II	Thu từ dầu thô						
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	16.000	0	310.000	0	1.937,50	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	15.000		305.000		2.033,33	
2	Thuế nhập khẩu	1.000		5.000		500,00	



STT	Nội dung	Dự toán năm 2021		Ước thực hiện năm 2021		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3/1</i>	<i>6=4/2</i>
3	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
IV	Thu viện trợ						

PHỤ LỤC III


**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021**
(Kèm theo Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)
Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	10.610.073	10.483.678	-126.395	98,81
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	8.918.907	8.862.423	-56.485	99,37
I	Chi đầu tư phát triển	2.452.097	1.995.904	-456.193	81,40
1	Chi đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung	702.097	650.844	-51.253	92,70
2	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số	1.300.000	1.100.000	-200.000	84,62
3	Chi đầu tư từ nguồn vay của ngân sách địa phương	90.000	36.000	-54.000	40,00
4	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	360.000	209.060	-150.940	58,07
4.1	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện quản lý	123.300	123.300	0	100,00
4.2	Chi bổ sung Quỹ Phát triển đất từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh	236.700	85.760	-150.940	36,23
II	Chi thường xuyên	6.287.956	6.862.546	574.589	109,14
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.400.065	2.308.053	-92.012	96,17
2	Chi khoa học và công nghệ	34.736	33.902	-834	97,60
3	Quốc phòng	174.615	196.522	21.907	112,55
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội	36.330	53.077	16.747	146,10
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	611.799	911.073	299.274	148,92
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin	63.109	63.109	0	100,00
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình	23.194	23.194	0	100,00
8	Sự nghiệp thể dục thể thao	31.115	29.115	-2.000	93,57
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	88.233	111.135	22.901	125,96
10	Các hoạt động kinh tế	1.235.426	1.135.818	-99.608	91,94
11	Chi quản lý hành chính	1.222.372	1.207.371	-15.001	98,77
12	Chi đảm bảo xã hội	304.703	715.380	410.677	234,78
13	Chi khác ngân sách	62.260	74.797	12.538	120,14
III	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.973	2.973	0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	0	100

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2-1</i>	<i>4=2/1</i>
V	Dự phòng ngân sách	174.881			
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.691.166	1.297.752	-393.414	76,74
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	15.743	15.743	
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		15.743	15.743	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.691.166	1.282.009	-409.157	75,81
1	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài (ODA)	265.000	77.000	-188.000	29,06
2	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	1.122.626	901.469	-221.157	80,30
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách	303.540	303.540	0	100,00
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		323.504		



PHỤ LỤC IV

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (2)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	10.610.073	10.483.678	10.640.128	156.450	101,49
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	5.019.600	4.532.376	3.971.874	-560.502	87,63
1	Thu NSDP hưởng 100%	2.102.060	1.737.270	2.120.974	383.704	122,09
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	2.917.540	2.795.106	1.850.900	-944.206	66,22
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.354.350	5.445.675	6.502.444	1.056.769	119,41
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.325.428	3.325.428	5.411.125	2.085.697	162,72
2	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương đầu năm	337.756	337.756		-337.756	0,00
3	Thu bổ sung có mục tiêu	1.691.166	1.782.491	1.091.319	-691.172	61,22
III	Thu từ nguồn vay	90.000	36.000	100.700	64.700	279,72
IV	Thu kết dư	0	0		0	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	146.123	469.627	65.110	-404.517	
B	TỔNG CHI NSDP	10.610.073	10.483.678	10.640.128	30.054	100,28
I	Tổng chi cân đối NSDP	8.918.907	8.862.423	9.548.809	629.901	107,06
1	Chi đầu tư phát triển (1)	2.452.097	1.995.904	2.441.490	-10.607	99,57
2	Chi thường xuyên	6.287.956	6.862.546	6.916.132	628.175	109,99
3	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.973	2.973	4.930	1.957	165,81
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	0	100,00
5	Dự phòng ngân sách	174.881		185.257	10.377	105,93
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.691.166	1.297.752	1.091.319	-599.847	64,53
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	15.743		0	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.691.166	1.282.009	1.091.319	-599.847	64,53
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0	323.504	0	0	
C	BỘI CHI NSDP	90.000	36.000	100.700	10.700	111,89
D	BỘI THU NSDP	0		0	0	
Đ	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	0	0	0	0	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	0	0		0	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	0	0		0	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (2)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	90.000	36.000	100.700	10.700	111,89
I	Vay để bù đắp bội chi	90.000	36.000	100.700		
II	Vay để trả nợ gốc					

Ghi chú:

(1) Dự toán năm 2022 bao gồm chi trả nợ gốc đến hạn là 13.500 triệu đồng.

(2) Đối với các chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSDP so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành.

PHỤ LỤC V

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	5.220.000	4.532.376	4.401.000	3.971.874	84,31	87,63
I	Thu nội địa	4.910.000	4.532.376	4.286.000	3.971.874	87,29	87,63
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	1.749.000	1.749.000	644.000	644.000	36,82	36,82
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	445.000	445.000	400.000	400.000	89,89	89,89
	- Thuế tài nguyên	4.000	4.000	4.000	4.000	100,00	100,00
	- Thuế giá trị gia tăng	1.300.000	1.300.000	240.000	240.000	18,46	18,46
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0		0		
	- Thu khác	0	0		0		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	64.000	64.000	80.000	80.000	125,00	125,00
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.700	24.700	35.500	35.500	143,72	143,72
	- Thuế tài nguyên	6.400	6.400	5.500	5.500	85,94	85,94
	- Thuế giá trị gia tăng	32.000	32.000	38.000	38.000	118,75	118,75
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	900	900	1.000	1.000	111,11	111,11
	- Thu khác	0	0		0		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	105.000	105.000	40.000	40.000	38,10	38,10
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.000	38.000	27.900	27.900	73,42	73,42
	- Thuế tài nguyên	0	0	100	100		
	- Thuế giá trị gia tăng	67.000	67.000	12.000	12.000	17,91	17,91
	- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	0	0		0		
	- Thu khác	0	0		0		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	436.000	436.000	558.000	558.000	127,98	127,98
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	135.365	135.365	151.000	151.000	111,55	111,55
	- Thuế tài nguyên	4.990	4.990	5.500	5.500	110,22	110,22
	- Thuế giá trị gia tăng	294.410	294.410	400.300	400.300	135,97	135,97
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	955	955	1.200	1.200	125,65	125,65
	- Thu khác	280	280		0		
5	Thuế thu nhập cá nhân	305.000	305.000	340.000	340.000	111,48	111,48

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
6	Thuế bảo vệ môi trường	408.000	151.776	425.000	204.000	104,17	134,41
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước (bằng 48% tổng thu)	151.776	151.776	204.000	204.000	134,41	134,41
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu (bằng 52% tổng thu)	256.224	0	221.000	0	86,25	
7	Lệ phí trước bạ	131.000	131.000	160.000	160.000	122,14	122,14
8	Thu phí, lệ phí	80.000	51.300	80.000	53.000	100,00	103,31
	- Phí và lệ phí trung ương	28.700	0	27.000	0	94,08	
	- Phí và lệ phí địa phương	51.300	51.300	53.000	53.000	103,31	103,31
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0	0		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000	4.000	5.000	5.000	125,00	125,00
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	27.000	27.000	25.000	25.000	92,59	92,59
12	Thu tiền sử dụng đất	250.000	250.000	350.000	350.000	140,00	140,00
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	0	0	0		
14	Thu từ hoạt động xổ số	1.150.000	1.150.000	1.400.000	1.400.000	121,74	121,74
15	Thu khác ngân sách	150.000	85.300	145.000	79.000	96,67	92,61
16	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.000	1.000	1.000	1.000	100,00	100,00
17	Lợi nhuận được chia của nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	10.000	10.000	10.000	10.000	100,00	100,00
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	5.000	5.000	5.000	4.874	100,00	97,48
19	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển	35.000	7.000	18.000	18.000	51,43	257,14
	- Thu từ giấy phép do cơ quan Trung ương cấp	28.000		0			
	- Thu từ giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp	7.000	7.000	18.000	18.000	257,14	257,14
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	310.000	0	115.000	0	37,10	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	305.000		113.000		37,05	
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu	5.000		2.000		40,00	
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	0					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	0					
IV	Thu viện trợ						

PHỤ LỤC VI

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TỈNH CÀ MAU NĂM 2022 THEO CƠ CẤU CHI

(Kèm theo Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.610.073	10.640.128	30.054	100,28
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	8.918.907	9.548.809	629.901	107,06
I	Chi đầu tư phát triển	2.452.097	2.441.490	-10.607	99,57
1	Chi đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung (1)	702.097	625.790	-76.307	89,13
2	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.300.000	1.400.000	100.000	107,69
3	Chi đầu tư từ nguồn vay của ngân sách địa phương	90.000	100.700	10.700	111,89
4	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	360.000	315.000	-45.000	87,50
4.1	Chi bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển từ nguồn sử dụng đất cấp tỉnh		16.000	16.000	
4.2	Chi bổ sung Quỹ Phát triển đất từ nguồn sử dụng đất cấp tỉnh	236.700	91.050	-145.650	38,47
4.3	Chi đầu tư các dự án từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh		50.000	50.000	
4.4	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện quản lý	123.300	157.950	34.650	128,10
II	Chi thường xuyên	6.287.956	6.916.132	628.175	109,99
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.400.065	2.578.675	178.610	107,44
2	Chi khoa học và công nghệ	34.736	34.822	86	100,25
3	Quốc phòng	174.615	205.873	31.258	117,90
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội	36.330	68.309	31.980	188,03
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	611.799	643.422	31.624	105,17
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin	63.109	62.441	-668	98,94
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình	23.194	27.898	4.704	120,28
8	Sự nghiệp thể dục thể thao	31.115	36.409	5.294	117,01
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	88.233	93.718	5.485	106,22
10	Các hoạt động kinh tế	1.235.426	1.377.033	141.607	111,46
11	Chi quản lý hành chính	1.222.372	1.233.110	10.738	100,88
12	Chi đảm bảo xã hội	304.703	485.259	180.556	159,26
13	Chi khác ngân sách	62.260	69.162	6.902	111,09
III	Chi trả lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.973	4.930	1.957	165,81
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	0	100,00
V	Dự phòng ngân sách	174.881	185.257	10.377	105,93

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.691.166	1.091.319	-599.847	64,53
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	0	0	
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			0	
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới			0	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.691.166	1.091.319	-599.847	64,53
1	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài (ODA)	265.000		-265.000	0,00
2	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	1.122.626	1.015.000	-107.626	90,41
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách	303.540	76.319	-227.221	25,14
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC VAY ĐỊA PHƯƠNG		0		

Ghi chú:

(1) Dự toán năm 2022 bao gồm chi trả nợ gốc đến hạn là 13.500 triệu đồng.

PHỤ LỤC VII


BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
A	THU NSDP	4.532.376	3.971.874	-560.502
B	CHI CÂN ĐỐI NSDP	8.862.423	9.548.809	686.386
C	BỘI THU NSDP			0
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH	906.475	794.375	-112.100
Đ	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			
I	Tổng dư nợ đầu năm	81.556	107.098	25.542
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)	9,00	13,48	4
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	54.733	84.060	29.327
3	Vay trong nước khác	26.823	23.038	-3.785
II	Trả nợ gốc vay trong năm	10.458	0	-7.416
1	Theo nguồn vốn vay	10.458	0	-10.458
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	6.673		-6.673
-	Vốn khác	3.785		-3.785
2	Theo nguồn trả nợ	10.458	13.500	3.042
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			0
-	Bội thu NSDP	3.785		-3.785
-	Tăng thu, tiết kiệm chi	6.673	13.500	6.827
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh			
III	Tổng mức vay trong năm	36.000	100.700	64.700
1	Theo mục đích vay	36.000	100.700	64.700
-	Vay để bù đắp bội chi	36.000	100.700	64.700
-	Vay để trả nợ gốc		0	0
2	Theo nguồn vay	36.000	100.700	64.700
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	36.000	100.700	64.700



STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2-1</i>
-	Vốn trong nước khác			
IV	Tổng dư nợ cuối năm	107.098	194.298	87.200
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)		24,46	
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	84.060	171.260	87.200
3	Vốn khác	23.038	23.038	0
E	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	2.973	4.930	1.957

PHỤ LỤC VIII

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH ĐẾN NGÀY 24/11/2021


(Kèm theo Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Văn bản chủ trương	Số tiền	Đơn vị
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG		240.020	
A	DỰ PHÒNG BỐ TRÍ ĐẦU NĂM		103.201	
1	Kinh phí mua sắm vật tư,... xét nghiệm và kinh phí phòng, chống dịch COVID-19	Công văn số 520/UBND-KGVX ngày 04/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	4.593,72	Sở Y tế
2	Kinh phí phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2020 - 2021	Công văn số 537/UBND-NNTN ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	405,45	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
3	Kinh phí hỗ trợ ăn thêm ngày Tết cho công dân cách ly tại Trung đoàn Bộ binh 896	Công văn số 596/UBND-KGVX ngày 09/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	55,11	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
4	Cấp hỗ trợ kinh phí cho Cục Phát triển - Bộ Quốc phòng Vương quốc Campuchia	Công văn số 154/UBND-KT ngày 28/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	500,00	Bộ Quốc phòng Vương quốc Campuchia
5	Hỗ trợ thiệt hại do thiên tai	Công văn số 1558/UBND-NNTN ngày 08/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	11.909,72	Các huyện: Thới Bình, U Minh, Trần Văn Thời và thành phố Cà Mau
6	Kinh phí mua sắm vật tư,... xét nghiệm COVID-19 tại các xí nghiệp	Công văn 1233/UBND-KGVX ngày 22/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	168,67	Sở Y tế
7	Kinh phí hỗ trợ xã, phường, thị trấn thực hiện nhiệm vụ điều tra, rà soát các nhóm đối tượng được hỗ trợ do ảnh hưởng của dịch COVID-19	Công văn số 1675/UBND-KGVX ngày 12/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	3.030,00	Các huyện, thành phố Cà Mau
8	Kinh phí hỗ trợ đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên ấp, khóm tham gia phòng, chống dịch COVID-19	Công văn số 1634/UBND-KGVX ngày 09/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	2.119,20	Các huyện, thành phố Cà Mau

STT	Nội dung	Văn bản chủ trương	Số tiền	Đơn vị
1	2	3	4	5
9	Bổ sung kinh phí phòng, chống dịch COVID-19 của Sở Y tế (đợt 2)	Công văn số 1464/UBND-KGVX ngày 05/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	340,69	Sở Y tế
10	Hỗ trợ kinh phí đẩy lùi dịch COVID-19 cho Cục Phát triển Bộ Quốc phòng Campuchia	Công văn số 147/UBND-KT ngày 28/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	500,00	Bộ Quốc phòng Vương quốc Campuchia
11	Kinh phí tiêm vắc-xin COVID-19 (đợt 1)	Công văn số 78/HĐND-TT ngày 04/5/21 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 1885/UBND-KGVX ngày 22/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	129,02	Sở Y tế
12	Xây dựng, sửa chữa các khu vệ sinh ở khu cách ly tập trung phòng, chống dịch COVID-19 tại Trung đoàn Bộ binh 896	Công văn 2317/UBND-XD ngày 14/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	568,40	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
13	Kinh phí hội thao thể dục, thể thao cấp Quân khu năm 2021	Công văn 2267/UBND-KT ngày 12/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	650,00	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
14	Bổ trí kinh phí phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026	Công văn 2497/UBND-KT ngày 21/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	3.896,84	Các huyện, thành phố Cà Mau
15	Bổ sung kinh phí lập bản đồ khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay	Công văn số 1642/UBND-NC ngày 28/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.256,35	Sở Tài nguyên và Môi trường
16	Bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị vật tư y tế xét nghiệm của Sở Y tế (đợt 3)	Công văn số: 2298/UBND-KGVX ngày 13/5/2021; 2612/UBND-KGVX ngày 27/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.800,00	Sở Y tế
17	Kinh phí hỗ trợ đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên khám, áp tham gia phòng chống dịch COVID-19	Công văn số 2705/UBND-KGVX ngày 02/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	3.178,80	Các huyện, thành phố Cà Mau
18	Hỗ trợ bổ sung cho thành viên thuộc các Tổ bầu cử	Công văn số 109/HĐND-TT ngày 22/6/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 3282/UBND-KT ngày 24/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	2.518,00	Các huyện, thành phố Cà Mau
19	Kinh phí in sổ kiểm soát tàu cá của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Công văn số 3104/UBND-NNTN ngày 16/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	122,89	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh




STT	Nội dung	Văn bản chủ trương	Số tiền	Đơn vị
1	2	3	4	5
20	Kinh phí hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 tại các chốt, trạm kiểm soát trên địa bàn tỉnh	Công văn số 2976/UBND-KGVX ngày 11/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	2.667,44	Sở Y tế
21	Hỗ trợ kinh phí Hội thi pháp luật về Dân quân tự vệ, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Công văn số 3128/UBND-NC ngày 17/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	168,28	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
22	Bổ sung kinh phí hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện cách ly tập trung	Công văn số 3126/UBND-KGVX ngày 17/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	144,72	Sở Y tế
23	Bổ sung kinh phí hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 cho 09 tháng năm 2021 và khu cách ly y tế tập trung trên địa bàn tỉnh	Công văn số 3930/UBND-KT ngày 22/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	8.270,66	Sở Y tế
24	Kinh phí mua sắm trang thiết bị xét nghiệm COVID-19 của Bệnh viện Đa khoa Cà Mau	Công văn số 3319/UBND-KGVX ngày 25/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	2.868,13	Sở Y tế
25	Kinh phí tổ chức tiêm vắc - xin COVID-19 (đợt 2) trên địa bàn tỉnh	Công văn số 3607/UBND-KGVX ngày 08/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	280,19	Sở Y tế
26	Bổ sung kinh phí xét nghiệm, sàng lọc vi rút SAR-CoV-2	Công văn số 3574/UBND-KGVX ngày 07/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	3.841,97	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh
27	Bổ sung vật chất bảo đảm cho khu cách ly tại Trường Dân tộc nội trú tỉnh	Công văn số 3930/UBND-KT ngày 22/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	214,09	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
28	Phần mềm kiểm soát tàu cá cho Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Công văn số 3962/UBND-KT ngày 23/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	2.404,14	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
29	Kinh phí thực hiện mua sắm trang thiết bị, vật tư, hoá chất phòng, chống dịch COVID-19	Công văn số 3657/UBND-KGVX ngày 09/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	35.901,74	Sở Y tế
30	Thanh toán tìm kiếm cứu nạn cho Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Công văn số 5112/UBND-KT ngày 05/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	224,82	Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh
31	Mua sắm trang thiết bị, vật dụng cho khu cách ly trường cao đẳng y tế	Công văn số 3930/UBND-KT ngày 22/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	102,75	Sở Y tế

STT	Nội dung	Văn bản chủ trương	Số tiền	Đơn vị
1	2	3	4	5
32	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ xét nghiệm COVID-19 cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Công văn số 4007/UBND-KT ngày 26/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.600,00	Sở Y tế
33	Kinh phí mua sắm hệ thống khai báo y tế điện tử phục vụ cho công tác phòng chống dịch COVID-19	Công văn số 4063/UBND-KGVX ngày 28/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	310,00	Sở Y tế
34	Kinh phí mua sắm trang thiết bị vật tư y tế, thuốc, hóa chất, nhu yếu phẩm,... phục vụ cách ly tập trung Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau	Công văn số 4007/UBND-KT ngày 26/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.679,98	Sở Y tế
35	Hỗ trợ kinh phí xây dựng các tổ, chốt phòng, chống dịch COVID-19	Công văn số 4198/UBND-KT ngày 04/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	210,00	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
36	Bổ sung kinh phí thực hiện chức năng quản lý phần mềm, kiểm soát người về/đến tỉnh cho Sở Y tế	Công văn số 4199/UBND-NC ngày 04/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	100,00	Sở Y tế
37	Kinh phí tổ chức tiêm vắc-xin COVID-19 (đợt 3, 4) trên địa bàn tỉnh	Công văn số 4326/UBND-KT ngày 09/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.016,90	Sở Y tế
38	Cấp kinh phí hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch bị ảnh hưởng đại dịch COVID-19	Quyết định số 1496/QĐ-UBND ngày 07/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	14,84	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
39	Hỗ trợ tiền nhiên liệu cho lực lượng tham gia phục vụ trong phòng, chống dịch COVID-19	Công văn số 4771/UBND-KT ngày 25/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	240,00	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
40	Bổ sung kinh phí mua sắm hệ thống Real-Time PCR xét nghiệm COVID-19 và tổ chức tiêm vắc xin ngừa COVID-19 đợt 5,6 cho Sở Y tế (Đợt 23)	Công văn số: 4952/UBND-KT, 4973/UBND-KT ngày 31/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	398,93	Sở Y tế
41	Kinh phí bố trí khu cách ly	Công văn số: 4952/UBND-KT, 4973/UBND-KT ngày 31/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	326,43	Sở Y tế
42	Cấp kinh phí hỗ trợ người lao động không giao kết hợp đồng lao động, làm công tác cho các cơ sở, dịch vụ hoạt động kinh doanh ngành nghề/công việc bị tạm dừng hoạt động do COVID-19 (lần 3)	Quyết định số 1502/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	522,41	Các huyện: Cái Nước, Phú Tân, Đầm Dơi, Ngọc Hiển và thành phố Cà Mau
43	Bổ sung hỗ trợ kinh phí hoạt động cho ấp, khóm tăng cường trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 (lần 2)	Công văn số 4984/UBND- KT ngày 01/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	137,75	Thành phố Cà Mau

STT	Nội dung	Văn bản chủ trương	Số tiền	Đơn vị
1	2	3	4	5
44	Cấp kinh phí hỗ trợ người lao động không giao kết hợp đồng lao động, làm công tác cho các cơ sở, dịch vụ hoạt động kinh doanh ngành nghề công việc bị tạm dừng hoạt động do COVID-19 (lần 4)	Các Quyết định số: 1673, 1674, 1676, 1682, 1683 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.609,50	Các huyện: Thới Bình, Cái Nước, Ngọc Hiển và thành phố Cà Mau
45	Kinh phí hỗ trợ cho người lao động chấm dứt Hợp đồng lao động do dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp	Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	7,42	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
46	Kinh phí hỗ trợ cho người lao động chấm dứt Hợp đồng lao động do dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp	Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	18,55	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
47	Cấp kinh phí hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch bị ảnh hưởng đại dịch COVID-19 lần 6	Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	3,71	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
48	Cấp kinh phí hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch bị ảnh hưởng đại dịch COVID-19 lần 7	Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	3,71	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
49	Cấp kinh phí hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch bị ảnh hưởng đại dịch COVID-19 lần 8	Quyết định số 2243/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	3,71	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
50	Hỗ trợ kinh phí người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp do ảnh hưởng dịch COVID-19	Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	3,71	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
51	Hỗ trợ kinh phí làm nhiệm vụ tại các cơ sở cách ly y tế tập trung phòng, chống dịch COVID-19 là khách sạn, nhà nghỉ	Công văn số 5982/UBND-KT ngày 01/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	161,68	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
B	BỔ SUNG DỰ PHÒNG TRONG NĂM		136.819	
I	Kinh phí cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên năm 2020 chuyển sang năm 2021 theo Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 và tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 tại Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh		57.666	
1	Bổ sung hỗ trợ kinh phí hoạt động cho ấp, khóm tăng cường trong công tác phòng, chống dịch COVID-19	Công văn số 4392/UBND-KT ngày 10/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	8.830,00	Các huyện, thành phố Cà Mau
2	Bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, hóa chất cho Sở Y tế tỉnh Cà Mau (Đợt 15)	Công văn số 4175/UBND-KT ngày 04/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	21.803,69	Sở Y tế

STT	Nội dung	Văn bản chủ trương	Số tiền	Đơn vị
1	2	3	4	5
3	Kinh phí đón công dân từ thành phố Hồ Chí Minh về Cà Mau	Công văn số 4465/UBND-KT ngày 13/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	140,60	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
4	Kinh phí hoạt động cho Bệnh viện dã chiến số 02 - Bệnh viện Y học cổ truyền	Công văn số 4494/UBND-KT ngày 13/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	2.862,71	Sở Y tế
5	Kinh phí hỗ trợ bếp ăn tập thể tại các chốt kiểm soát dịch bệnh trên địa bàn tỉnh	Công văn số 4482/UBND-KT ngày 13/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.335,18	Sở Y tế
6	Kinh phí hỗ trợ bếp ăn tập thể tại các chốt kiểm soát dịch bệnh trên địa bàn tỉnh	Công văn số 4635/UBND-KT ngày 19/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.472,10	Các huyện: Thới Bình, U Minh, Đầm Dơi và thành phố Cà Mau
7	Kinh phí hỗ trợ bếp ăn tập thể tại các chốt kiểm soát dịch bệnh trên địa bàn tỉnh	Công văn số 4508/UBND-KT ngày 13/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	480,48	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
8	Thực hiện bãi tạm thời tập kết hàng hóa	Công văn số 4666/UBND-KT ngày 23/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	281,73	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
9	Bổ sung kinh phí thuê tài sản Bệnh viện dã chiến số 01 (Bệnh viện 200 giường) cho Sở Y tế (Đợt 19)	Công văn số 4443/UBND-KT ngày 11/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	270,00	Sở Y tế
10	Tạm cấp vốn thực hiện Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp phục vụ phòng chống dịch bệnh COVID-19	Công văn số 4606/UBND-XD ngày 18/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	10.000,00	Ban Quản lý dự án công trình xây dựng
11	Bổ sung kinh phí mua thuốc, trang thiết bị phục vụ Bệnh viện dã chiến cho Sở Y tế (đợt 20)	Công văn số 4375/UBND-KT ngày 10/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.497,50	Sở Y tế
12	Bổ sung hỗ trợ kinh phí hoạt động cho áp, khám tăng cường trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 (lần 2)	Công văn số 4984/UBND-KT ngày 01/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	8.692,25	Các huyện, thành phố Cà Mau
II	Nguồn cắt giảm đến 30/9 thu hồi về dự phòng		79.153	
1	Bổ sung hỗ trợ kinh phí cho người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19	Các Quyết định số: 2012, 2013, 2018 đến 2033, 2050, ..., 2077 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	39.741,50	Các huyện, thành phố Cà Mau
2	Hỗ trợ kinh phí nhiên liệu phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19	Công văn số 6548/UBND-KT ngày 13/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1.500,00	Công an tỉnh

STT	Nội dung	Văn bản chủ trương	Số tiền	Đơn vị
1	2	3	4	5
3	Bổ sung hỗ trợ kinh phí cho người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19	Các Quyết định số: 2057, 2091, 2096 đến 2101, 2116 đến 2119, 2123 đến 2127 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	20.202,00	Các huyện, thành phố Cà Mau
4	Kinh phí lắp đặt hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ trong phòng, chống dịch COVID-19	Công văn số 6651/UBND-KT ngày 15/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	372,30	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
5	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác triển khai thực hiện phần mềm lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm bằng hình thức trực tuyến	Công văn số 6760/UBND-KT ngày 20/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	523,64	Sở Y tế
6	Hỗ trợ kinh phí làm nhiệm vụ tại các cơ sở cách ly y tế tập trung phòng, chống dịch COVID-19 là khách sạn, nhà nghỉ	Công văn số 5982/UBND-KT ngày 01/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	229,71	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
7	Bổ sung kinh phí cho người làm công tác sàng lọc, phân luồng và cách ly ca bệnh nghi ngờ nhiễm COVID-19 tại các cơ sở khám, chữa bệnh	Công văn số 2860/UBND-KGVX ngày 07/6/2021 và Công văn số 4370/UBND-KT ngày 10/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	3.424,59	Sở Y tế
8	Bổ sung hỗ trợ kinh phí cho người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19	Các Quyết định số: 2138, 2139, 2166, 2167, 2177, 2178, 2179 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	6.135,00	Các huyện: Trần Văn Thời và Đầm Dơi
9	Kinh phí để phục vụ các khu cách ly y tế tập trung do Công an tỉnh quản lý	Công văn số 6051/UBND-KT ngày 03/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	3.143,23	Công an tỉnh
10	Kinh phí mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19	Công văn số 6816/UBND-KT ngày 22/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	2.105,15	Sở Y tế
11	Kinh phí phục vụ hoạt động phòng, chống dịch COVID-19	Công văn số 6730/UBND-KT ngày 19/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	185,05	Sở Y tế
12	Hỗ trợ kinh phí tiền ăn đối với trẻ em và người điều trị do nhiễm COVID-19 (F0) và người cách ly y tế (F1)	Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 và Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 16/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	268,20	Sở Y tế
13	Bố trí vốn phục vụ Lệnh khẩn cấp sửa chữa, cải tạo phục vụ phòng chống dịch COVID-19	Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	649,00	Ban Quản lý dự án công trình xây dựng tỉnh



STT	Nội dung	Văn bản chủ trương	Số tiền	Đơn vị
1	2	3	4	5
14	Kinh phí mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, thuốc cho Trạm Y tế lưu động và các cơ sở y tế tiếp nhận và điều trị người nhiễm COVID-19	Công văn số 7010/UBND-KT ngày 01/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	673,64	Sở Y tế